

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
dự án Khu du lịch cộng đồng Làng Sông của Công ty TNHH  
Thương mại dịch vụ du lịch Làng Sông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu du lịch cộng đồng Làng Sông của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ du lịch Làng Sông tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 13/3/2020;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu du lịch cộng đồng Làng Sông đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 03-20-DTM/LS ngày 08/8/2020 của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ du lịch Làng Sông;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 825/TTr-STNMT ngày 15/9/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM của dự án Khu du lịch cộng đồng Làng Sông của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ du lịch Làng Sông (sau đây gọi là Dự án) thực hiện tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung chính Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Phước Thuận theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

5. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

6. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, nếu dự án không được triển khai, Chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thuận;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Châu**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**KHU DU LỊCH CỘNG ĐỒNG LÀNG SÔNG TẠI XÃ PHƯỚC THUẬN,**  
**HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH**  
**THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH LÀNG SÔNG**  
(Kèm theo Quyết định số                     /QĐ-UBND ngày            /          /2020 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Khu du lịch cộng đồng Làng Sông.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ du lịch Làng Sông.

1.3. Địa chỉ trụ sở: 159 Phan Đình Phùng, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án:

- Diện tích: 71.033,74 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: các phân khu chức năng gồm khu nghỉ dưỡng ven sông, khu quảng trường đi bộ, khu phố thương mại 1, khu phố thương mại 2 (trường dạy âm thực), khu làng nghệ sĩ, khu biệt thự nghỉ dưỡng, khu thương mại dịch vụ.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: hệ thống khách sạn, villa, biệt thự nghỉ dưỡng, nhà phố thương mại, nhà hàng, các công trình dịch vụ trong các phân khu chức năng; tuyến đường giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện, nước; hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải riêng biệt; 03 hệ thống xử lý nước thải với tổng công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cây xanh - quảng trường (9.038,93 m<sup>2</sup>).

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công: bụi từ quá trình san lấp, bụi và khí thải của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ quá trình giao thông; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,6 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình rửa thiết bị thi công khoảng 1-2 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 238,4 m<sup>3</sup>/ngày.

Tính chất: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án; mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường:

- Giai đoạn thi công: CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 50 kg/ngày; CTR xây dựng phát sinh khoảng 100 - 200 kg/ngày; chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình khoảng 20 tấn.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 746,53 kg/ngày; bùn thải phát sinh từ hệ thống XLNT khoảng 76,25 kg/ngày.

- Tính chất: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn thi công: chất thải nguy hại phát sinh gồm các loại vật dụng nhiễm dầu thải, dầu mỡ thải, cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác (thùng, bao bì đựng dầu nhớt, sơn, keo, dung môi thải) với khối lượng khoảng 35 kg/năm.

- Giai đoạn hoạt động: chất thải nguy hại phát sinh gồm các loại vật dụng nhiễm dầu thải, dầu mỡ thải, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in,...với khối lượng khoảng 54 kg/năm.

Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy nổ, dễ ăn mòn và gây ngộ độc.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong của dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công:

+ Nước mưa chảy tràn: các rãnh thoát nước mưa, hố ga tạm thời dẫn nước xả ra sông Hà Thanh.

+ Nước thải xây dựng: hố lắng tại công trường để thu gom nước thải từ quá trình rửa các thiết bị thi công, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động hoặc thuê nhà dân để sử dụng.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Các tuyến cống và hố ga dọc theo các tuyến đường nội bộ để thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn của dự án dẫn về các tuyến cống dọc đường ven sông và dọc đường trung tâm của dự án theo quy hoạch phân khu 1/2000, sau đó thoát ra sông Hà Thanh tại phía Nam của dự án qua 2 cửa xả.

+ Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách mỡ tại các khu vực khách sạn, nhà hàng, biệt thự..., đầu nối vào tuyến thu gom nước thải HDPE D200, dẫn về 03 hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số  $k = 1$ , nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn ra sông Hà Thanh qua 2 cửa xả, cụ thể như sau:

Nước thải từ khu nghỉ dưỡng ven sông - Quảng trường, khu phố thương mại 1 được xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải số 1 có công suất  $155 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , nước thải sau xử lý được thoát ra sông Hà Thanh qua cửa xả số 1 (tọa độ:1528379;602440).

Nước thải từ khu phố thương mại 2 - Làng nghệ sĩ - Biệt thự nghỉ dưỡng được xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải số 2 có công suất  $55 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , nước thải sau xử lý được thoát ra sông Hà Thanh qua cửa xả số 2 (tọa độ:1528280;602777).

Nước thải từ khu Thương mại dịch vụ được xử lý sơ bộ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải số 3 có công suất  $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , nước thải sau xử lý được thoát ra sông Hà Thanh qua cửa xả số 2 (tọa độ:1528280;602777).

#### + Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ (tự hoại, tách mỡ) → bể gom, tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể sinh học hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hệ thống thoát nước mưa → nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B,  $k=1$ ).

+ Quy trình vận hành: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thường xuyên.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### - Giai đoạn thi công:

+ Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày, phun nước bổ sung nếu vẫn còn phát sinh bụi.

+ Phân luồng giao thông, bố trí mật độ xe ra vào dự án phù hợp tránh ùn tắc giao thông.

+ Phương tiện vận chuyển, chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá, cát.

#### - Giai đoạn hoạt động:

+ Bố trí diện tích cây xanh - quảng trường với tổng diện tích: 9.038,93 m<sup>2</sup>.

+ Giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: hệ thống xử lý nước thải được xây ngầm kín, lắp đặt tháp khử mùi; thực hiện nạo vét định kỳ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- Giai đoạn thi công:

+ CTR sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại.

+ CTR xây dựng: thu gom, tái sử dụng, bán phế liệu hoặc hợp đồng đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

+ CTNH: bố trí các thùng chứa chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che) để lưu chứa các loại chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: bố trí 7 khu tập kết rác thải tại các phân khu chức năng có diện tích khoảng 6 m<sup>2</sup>; khu vực tập kết dụng cụ, thiết bị thu gom rác thải diện tích khoảng 50 m<sup>2</sup> (có mái che) tại khu đất hạ tầng kỹ thuật (KT4).

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng tần suất quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, an toàn giao thông:

- Giai đoạn thi công

+ Lắp đặt các biển báo hiệu công trường đang thi công và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường dự án.

+ Không hoạt động các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa (11h30 -13h30) và từ 18h đến 7h sáng hôm sau.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

- Giai đoạn thi công:

+ Đắp các taluy xung quanh khu vực san lấp và gia cố đảm bảo tránh sa bồi, sạt lở bồi lấp khu vực ven sông.

+ Khắc phục, sửa chữa các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công trong trường hợp bị hư hỏng để đảm bảo hoạt động đi lại của người dân địa phương.

+ Ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các phương tiện thi công tại công trường nhằm tránh nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Xây dựng mái taluy để hướng một phần nước mưa từ bên ngoài vào hệ thống thoát nước của dự án và tạo mương thoát nước tạm dưới chân mái taluy để giảm thiểu ngập úng cho khu dân cư hiện hữu.

+ Lắp đặt trụ chữa cháy và thường xuyên kiểm tra, bảo trì van khóa hệ thống họng cứu hỏa trong dự án, đảm bảo tất cả các tuyến ống hoạt động tốt khi xảy ra sự cố hỏa hoạn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng đường ống cấp thoát nước và hệ thống xử lý nước thải định kỳ; trang bị máy móc dự phòng (máy bơm, máy thổi khí..) nhằm đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động thường xuyên; lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để giám sát.

#### **4. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án**

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải.

- 03 Hệ thống xử lý nước thải có tổng công suất 250 m<sup>3</sup>/ngày đêm (lắp đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu tra tại mỗi hệ thống; bố trí các điểm lấy mẫu và giám sát nước thải của hệ thống).

- 07 khu tập kết rác thải có diện tích khoảng 6 m<sup>2</sup>.

- Diện tích cây xanh – quảng trường: 9.038,93 m<sup>2</sup>.

- 01 khu vực tập kết dụng cụ, thiết bị thu gom rác với diện tích khoảng 50 m<sup>2</sup>.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:**

5.1. Giai đoạn thi công.

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát (3 vị trí):

+ Khu vực gần Tiểu chủng viện Làng Sông (tọa độ: 1528 617; 602 492).

+ Khu vực dân cư phía Đông Bắc dự án (tọa độ: 1528 794; 602 963).

+ Khu dân cư trung tâm - gần Nhà văn hóa thôn (tọa độ: 1528 506; 602 739).

- Các chỉ tiêu giám sát là: bụi, ồn, CO, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

b) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

c) Giám sát sạt lở, bồi lắng khu vực ven sông.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm.

- Vị trí và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.

- Thông số quan trắc: lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng coliform. Quy chuẩn so sánh: QCVN14:2008/BTNMT, cột B, k=1. Các bước tiến hành lấy mẫu theo đúng quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Việt Nam.

### 5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

#### a) Giám sát nước thải

- Giám sát định kỳ tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng coliform.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số k=1.

#### b) Giám sát việc thu gom chất thải rắn:

Giám sát việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

Chủ dự án có trách nhiệm lập kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ và thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải nguy hại).